



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : ____ Yes, ____ No
EXIT VISA: ____ Yes ____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Huynh vân Thanh
Last Middle First
- Current Address 25 Kê Văn Sĩ quận 3 Hồ Chí Minh City
- Date of Birth Oct. 19-1945 Place of Birth Mỹ Tho
- Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 13-75 To Dec. 23-1983
(94)
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Huynh van Thanh
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Huynh Ngoc Hoa		

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

PHỦ THỦ-TƯỚNG

HỆ TỰ LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-ĐOÀ

NĂM 1973

THẺ HÀNH-CHÁNH

HỌ VÀ TÊN : HUỖNH-VAN-THO
(viết chữ in)
CẤP BẬC HIỆN TẠI : Đại-Ủy
(ngày tháng cấp) 01.03.1972
NGÀY VÀ NƠI SANH : 28.04.43 Mỹ-Tho
SỐ QUÂN :
GIÁ - CẢNH : Độc thân
THẺ CĂN CƯỚC : số 00950400
ngày 09.04.1969 cấp tại Quận Sáu
SỐ ĐIỆN-THỐ : 138.969
CHỈ SỐ ĐƯƠNG : 410
CHI-HUY-TRƯỞNG :
Saigon ngày 01 tháng 10 năm 73
CẤP-BẬC, HỌ-TÊN ĐƠN-VỊ-TRƯỞNG :
An-ký
Đương-sư
(Ký tên)
QUAN Trung-Tá LÊ-VĂN-NGỌT

Questionnaire for ex-political prisoner in VN

Date July 25th 1988

Basic information on applicant in Vietnam:

1. Full name of ex-political prisoner:

HUYNH VĂN THANH

2. Other name: ϕ

3. Date and place of birth: October, 19th, 1945
Mỹ Tho province south VN.

4. Position:

- Rank (before 4/75): Major special police
Regulation officer E3, Special police Bloc,
National police Headquarters.

- Serial number police: 158.888 (IBM identity number)

5. month: June year: 1975 date 13th arrested

6. month, year, date out of camp:
December, 23th, 1983

7. Date and release certificate number:

number: 605 GRT date: December, 23th 1983

8. mailing address: 101B Trần Chánh Chiếu 5th district
(quận 5) Hồ Chí Minh city.

9. Present residing address: 25^N Lê Văn Sỹ (3rd
district) (quận 3) Thành phố Hồ Chí Minh.

I. List of full name, date and place of birth of
ex-political prisoner immediate family and father
mother:

a. Relatives to accompany with ex-political prisoner
to be considered for US country.

no	Full name	Date of birth	P.O.B	Sex	Relationship	Address
1	Trương Ngọc Hoa	16/11/1956	Cholon	Female	Wife	101B Trần Chánh Chiếu TP Hồ Chí Minh

B- complete family listing (Living / Dead) of ex political prisoner.

	Name	address
Father	Trương Văn Gân (living)	24/14 Trương Bỉnh Của Mỹ Tho
Mother	Phạm Thị Kiều (dead)	"
Spouse	Trương Ngọc Hoa (living)	101B Trần Chánh Chiếu Thành phố Hồ Chí Minh

Sibling

Sister	Phạm Thị Bé (living)	25 Lê Văn Sĩ Thành phố Hồ Chí Minh
	Phạm Thị Hương (living)	"
	Phạm Thị Bôn (living)	24/14 Trương Bỉnh Của Mỹ Tho
	Trương Thị An (living)	"
	Trương Thị Hoàn (living)	"
Brother	Trương Ngọc Mỹ (living)	"
	Trương Văn Thọ (Dead)	"
	Trương Văn Vui (living)	Xã Bình Long Tỉnh Đồng Nai

III Relatives outside VN :

a. closest relatives in the U.S :

of me : no

of my spouse : no

b. Relatives in other foreign country

of me: no

of my spouse: Truiyah Chi Binh

brother of my spouse address:

IV Oversea training paid by U.S Government: no

V U.S Awards and decorations: no

VI Have you submitted the application for family reunification until now:

1. reunification: no

2. Reply from Bangkok O.D.P.: no

3. The ODP Bangkok LOI: no

I have sent the questionnaire in 1984 to petition for a letter of introduction as an entry visage into the United States. So far, I have not received any at all.

VII. Comment:

Due to the difficult of situation and based on the authority of your organisation and the spirit of the humanitarian act, I wished to request your assistance and your intervention with the government of the socialist republic of V.N in order that I and all family members maybe authorized to leave V.N under your arrangement and protection through the O.D.P to immigrate to the U.S.

Remarks:

- I have changed the ~~man~~ address: 25N Lê Văn Sỹ Phường 23 Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. The old address

339/2 Nguyễn Văn Bổng TP Hồ Chí Minh.

- I married in 1986 with miss Truiyah Ngoc Hoa

I had an elder brother name: Thuyet van Tho.
He was captain of national police, chief of psychology War
service at 6th district national police headquarters Saigon.
He was die in 1978 in reeducation camp Phong Anang
des Kai Hoang Lien Son North V.N.

VIII Please listing here all documents attached to the questionnaire

1. Copy of my birth certificate
2. Copy of my release certificate
3. copy of my promotion certificate in the former regime
4. copy of my Chief special police 3rd course certificate
5. Copy of my Special police command and leadership
5th course certificate.
6. copy of my marriage certificate
7. copy of the birth certificate of my wife
8. copy of the letter announce the death of my brother
9. Administration card of my brother
10. appoint order of my brother
11. 3 my photo, 2 photo of my wife, 1 photo of my
brother.

Signature

anh

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
REPUBLIC OF VIETNAM

NHA TỔNG GIÁM-ĐỐC CẢNH-SÁT QUỐC-GIA
DIRECTORATE GENERAL OF NATIONAL POLICE

KHỐI CẢNH-SÁT ĐẶC-BIỆT
SPECIAL POLICE BLOCK

Chứng nhận Ông Nguyễn Văn Chanh
Certifies that Mr.

ĐÃ THAM DỰ KHÓA DẪN-ĐẠO & CHỈ-HUY CẢNH-SÁT ĐẶC-BIỆT 5/71
has successfully completed the Special Police Command and Leadership Course

Từ ngày 07 - VI - 1971 đến ngày 11 - VI - 1971
From to

TẠI TRƯỜNG TÌNH-BÁO TRUNG-ƯƠNG DO CÁC GIẢNG-VIÊN VIỆT-MỸ PHỤ-TRÁCH.
conducted by Vietnamese and American Instructors at the Central Intelligence Academy.

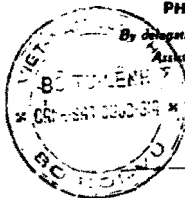
SAIGON, ngày 11 tháng 6 năm 1971
Date

TUN TỔNG GIÁM-ĐỐC CẢNH-SÁT QUỐC-GIA
PHỤ-TÁ CẢNH-SÁT ĐẶC-BIỆT

By delegation of the Director General of National Police
Assistant Director General for Special Police

PHỐI-TRÍ VIÊN
Đặc Trách Huấn Luyện
SP Training Advisor

Thomas M. Power



Nguyễn Văn Chanh

Ông NGUYỄN VĂN MÀU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THỊ-XÃ MỸ-THO

PHƯỜNG III

Số hộ : 1028

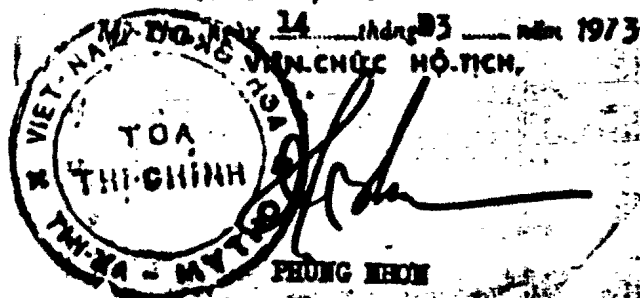
☆

TRÍCH-LỤC KHAI-SANH

lập ngày 20 tháng 10 năm 1945 HKS/58

Tên họ đứa trẻ :	Huỳnh Văn Thành
Trai hay gái :	Trai
Ngày sanh :	ngày 19 tháng 10 năm 1945
Nơi sanh :	Nhà Đẻ sanh Châu Thành Mỹ Tho
Tên họ cha :	Huỳnh văn Cẩn
Tên họ mẹ :	Phạm thị Kiển
Vợ chánh hay không	Vợ chánh
có hôn thú :	
Tên họ người khai :	Trần thị Lịch

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ NỘI-VỤ
NHÀ TÔNG GIÁO-ĐỨC
CẢNH-SÁT QUỐC-GIA
TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN
VÀ TU-NGHIỆP TRUNG-CẤP

Saigon, ngày 18 tháng 6 năm 1968

SỐ 123 -TTTC/HV

CHỨNG NHẬN

GIÁO-ĐỨC Trung-Tâm Huấn-Luyện và Tu-Nghiep Trung-Cấp Cảnh-Sát
Quốc-Gia,

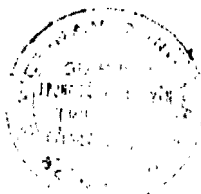
CHỨNG NHẬN :

Ông HUYNH . VAN . THANH
Ngày và nơi sinh 19.10.1945 tại Mỹ-Tho
Ngạch trật Biên-Tập-Viên Tập-Sự
Hiện tòng sự tại Khố Cảnh-Sát Đặc-Biệt

Đã theo học khóa . 3 . Trưởng-Phòng Cảnh-Sát Đặc-Biệt
tại Trung-Tâm Huấn-Luyện và Tu-Nghiep Trung-Cấp Cảnh-Sát Quốc-Gia Sài-
Gòn, từ ngày . 4.12.67 . đến ngày . 15.01.1968

Những sự có dự thi khảo sát khóa trên với kết quả BÌNH-THƯỜNG
và được xếp hạng . 13/65 với điểm trung bình là . 14,72/20

Vậy cấp chứng nhận này để tiện dụng khi cần thiết.-



THỦ LƯU NGUYỄN VĂN THANH

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn: 14
 Thị xã, Quận: 5
 Thành phố, Tỉnh: HCM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 51786Quyển số 1

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN	HUYỀN VAN THANH	HUYỀNH NGỌC HOA
Bí danh		
Sinh ngày, tháng năm	19 - 10 - 1945	16 - 11 - 1956
Quê quán		
Dân tộc	Kinh	Hoa
Quốc tịch	Việt	nam
Nghề nghiệp	Công nhân	Công nhân
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	25N Lê Văn Sỹ Phường 23/Q3	101B Trần Chánh Chiêu Phường 14/Q5
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	KS 1028	022005227

Đăng ký, ngày 13 tháng 12 năm 1986

Người chồng ký

Người vợ ký

TM/UBND PH/05 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Đã ký

Đã ký

PHÓ CHỦ TỊCH
 (Đã ký và đóng dấu)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

NGUYỄN THANH LỰC

Ngày 13 tháng 12 năm 1986TM/UBND PH/05 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

THỦ KÝ



Số : 1008 /DTL/NV/213

Chiều Nghị-dinh số 1013-NĐ/Ta.T/PC/2 ngày 21.10.72
án-dịnh tổ-chức và nhiệm-vụ các cơ cấu thuộc Lực-Lượng CSQG ;

Chiều nhu-cầu công-vụ,

Nay cử 11 Sĩ-Quan có tên sau đây giữ các chức-vụ thuộc
BCH/CSQG Thủ-Đô :

Chủ-Sứ Phòng Kỹ-Thuật BCH/CSQG Quận 12

- Thiếu-Tá NGUYỄN-BÙI-QUANG (05.01.31) thay thế Thiếu-Tá LÊ-
ĐANG-THU

Trung-Tâm Trưởng TTHQ/CL BCH/CSQG Hải-Đing

- Thiếu-Tá DUONG-TRUNG-THO (15.03.23) thay thế Đại-Ủy TRẦN-
ĐỨC-TRÍ

Chỉ-Huy Phó CSQG Quân Gò-Vấp (Gia-Đinh)

- Thiếu-Tá LÊ-ĐANG-THU (22.09.44) thay thế Đại-Ủy TRINH-
VIỆT-TRẦN

Chủ-Sứ Phòng Tâm-Lý-Chiến BCH/CSQG Quận 6 (Thủ-Đô)

- Đại-Ủy HUYNH-VAN-THO (26.01.43) thay thế Đại-Ủy TRẦN-
ĐỨC-TUẤN

Chủ-Sứ Phòng Tư-Pháp BCH/CSQG Quận 6 (Thủ-Đô)

- Đại-Ủy TRINH-KUÂN-TRƯỜNG (10.05.42) thay thế Đại-Ủy CẨM-
VAN-VINH

Chủ-Sứ Phòng Tư-Pháp Biệt-Đoàn Cảnh-Sát Lưu-Thông

- Đại-Ủy TRẦN-VAN-TUÔNG (10.04.43) thay thế Thiếu-Tá NGUYỄN-
HỮU-PHƯỚC

Liên-Đội Trưởng Tuần-Jam (Biệt-Đoàn CSLT)

- Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-LỢI (20.11.20) thay thế Đại-Ủy TRẦN-
VAN-TUẤN

Trung-Tâm Trưởng TTHQ/CL BCH/CSQG Quận 5 (Thủ-Đô)

- Đại-Ủy VŨ-VAN-LOAN (15.10.31) thay thế Đại-Ủy NGUYỄN-
VAN-SIENG

Chủ-Sứ Phòng Quản-Trị BCH/CSQG Quận 6 (Thủ-Đô)

- Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-A (01.02.37) thay thế Đại-Ủy HUYNH-
VAN-THO

Phu-Tá GHT đặc-trạch Phòng-Hàng BCH/CSQG Quận 6 (TD)

- Đại-Ủy TRẦN-PHÁP (09.12.43) thay thế Đại-Ủy HỒ-LÝ

Chủ-Sự Phòng Hành-Quân BCH/CSQG Tỉnh Gia-Định

- Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-LỜI sq.64/101.071 thay thế Đại-Ủy VŨ-TRỌNG-TUÊ

Sự-vụ-lệnh này có hiệu-lực kể từ ngày ký và sẽ được hợp thức hóa sau bằng Nghị-dịnh.-

Saigon, ngày 18 tháng 9 năm 1974
TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA,

Nơi nhận :

- V. Tư-Lệnh CSQG
- V. Tư-Lệnh Phó
- V. Các Phụ-Tá Đặc-Niệt
- Các Khối BTL/CSQG
- Các đơn-vị biệt-lập BTL/CSQG
- "đồ tương"
- Khối NV (Sở TÀI-NGÂN, KH)
- Sở Tài-Ngân
- BCH/CSQG Thủ-Đô - Quận 1, 5, 10
- Hải-Cảng, Tỉnh Gia-Định và Biệt-Đoàn Cảnh-Sát Lưu-Thông
- "đồ thi-hành"
- Các SQ đương-sự
- "đồ nhận hành"
- Hồ-sơ
- Lưu.-



Chuẩn-Tướng NGUYỄN-KHẮC-BÌNH

Đã - chấp hành.

M/ NỘI VỤ

Trại Hầm tào

Số 606 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2543 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHIELD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-12-1981 của Bộ Nội vụ:

Thực hiện án văn, quyết định tha số

LC7

ngày 27 tháng 12 năm 1983

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Huỳnh Văn Thanh

Sinh năm 1945

Các tên gọi khác: Huỳnh Văn Thanh

Nơi sinh: Mỹ Tho

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bắt: 339/26 Nguyễn Văn Trỗi Quận 3 T/P
HỒ CHÍ MINH

Cán bộ: Thiếu tá sỹ quan điều hành

Bị bắt ngày: 13/06/75

Án phạt: TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tổng án _____ lần, cộng thành _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 339/26 Nguyễn Văn Trỗi Quận 3 T/P HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Đã xác định được vị trí học tập cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng.

Lao động: tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao có chất lượng.

Nội quy: chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

Học tập: tham gia học tập đều nhận thức chuyển biến khá.
(quản chế 12 tháng)

Đã trình nghị quyết tại UBND Phường xã: _____ Nơi cư trú

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lưu tại ngân trù phải

Của Huỳnh Văn Thanh

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 12 tháng 12 năm 1983

Q. Giám thị

Huỳnh Văn Thanh

Chánh

Quản

THIẾU TÁ, NGUYỄN ANH QUANG

CAF 29. 09.

Lưu giữ tại Trung tâm
tài liệu nghiên cứu

ngày 27/12/89

CS



Chị Loan

SỐ : 107-ND/ThT/HCPCL

Chiếu Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1 tháng 4 năm 1967 tu-chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22 tháng 1 năm 1974 ;

Chiếu Sắc-lệnh số 304-TT/SL ngày 1 tháng 9 năm 1969 và các văn-kien kế-tiếp, nhất là Sắc-lệnh số 130-TT/SL ngày 18 tháng 2 năm 1974 sửa đổi và bổ-túc do các Sắc-lệnh số 483-TT/SL ngày 13 tháng 6 năm 1974 và số 1102-TT/SL ngày 28 tháng 11 năm 1974, an-dịnh thành-phần Chanh-Phu ;

Chiếu Sắc-lệnh số 01-a/TT/SL ngày 1 tháng 3 năm 1971 thành-lập Bộ Tư-Lệnh Canh-Sat Quốc-Gia thay thế Nha Tổng Giám-Dục Canh-Sat Quốc-Gia ;

Chiếu Sắc-lệnh số 315-TT/SL ngày 1 tháng 6 năm 1971 an-dịnh tổ-chức và nhiệm-vụ của Lực-lượng Canh-Sat Quốc-Gia, bổ-túc bởi Sắc-lệnh số 120-TT/SL ngày 15 tháng 3 năm 1972 ;

Chiếu Sắc-lệnh số 013-SL/ThT/PC1 ngày 16 tháng 2 năm 1972 an-dịnh Bộ Tư-Lệnh Canh-Sat Quốc-Gia tự làm nhiệm-vụ và đề-liên-quan đến Pháp-chế và quản-trị nhân-viên thuộc Lực-Lượng Canh-Sat Quốc-Gia ;

Chiếu Sắc-luật số 017-TT/SLU ngày 26 tháng 12 năm 1972 an-dịnh quy-chế nhân-viên chanh-ngạch thuộc Lực-Lượng Canh-Sat Quốc-Gia ;

Chiếu Nghị-dịnh số 896-ND/ThT/CSQG ngày 9 tháng 9 năm 1972 an-dịnh cấp-bậc, chỉ-số lương và cấp-hiệu của nhân-viên ngoại-ngạch thuộc Lực-Lượng Canh-Sat Quốc-Gia, sửa đổi bởi Nghị-dịnh số 628-ND/ThT/PC1/2 ngày 5 tháng 7 năm 1973 ;

Chiếu văn-thư số 98-PThT/PC1/2-M ngày 23 tháng 8 năm 1972 của Phủ Thủ-Tướng cho các nhân-quân-Lực VNCH tăng-phai Lực-Lượng Canh-Sat Quốc-Gia hưởng các quyền-lợi thăng-cấp, lương-bổng, phụ-cấp như nhân-viên Canh-Sat Quốc-Gia ;

Theo đề-nghị của Tư-Lệnh Canh-Sat Quốc-Gia,

N O H Ị D Ị N H :

Điều 1.- Những Sĩ-q an có tên dưới đây được đặc-cách thăng-cấp kể từ ngày 01 tháng 2 năm 1975 :

1. THANG CẤP ĐẠI-TÁ CẢNH-SÁT THỰC-THU (Chánh ngạch)
 - Đại-Tá (NC) NGUYỄN-ĐỨC-LỘC, số quân 52/300.271
Chỉ-Huy Trưởng CSQG Khu 1
 - Đại-Tá (NC) LÊ-CÁNH-VỆ (20-3-23)
Chỉ-huy Phó CSQG Khu 4
2. THANG CẤP ĐẠI-TÁ CẢNH-SÁT NHIỆM-CHỨC (Chánh ngạch)
 - Trung-Tá HUỖN-ĐAT-KINH, số quân 54/104.431
Chỉ-Huy Trưởng CSQG Tỉnh Phong-Dinh
3. THANG CẤP TRUNG-TÁ CẢNH-SÁT THỰC-THU (Chánh ngạch)
 - Trung-Tá (NC) PHAN TRUNG-CHÁNH (15-4-38)
Chỉ-Huy Trưởng CSQG Quận 2/Thu-đô
 - Trung-Tá (NC) ĐỖ-KIẾN-MUỘI (8-9-36)
Chỉ-Huy Trưởng CSQG Tỉnh Định-Tương
 - Trung-Tá (NC) NGUYỄN-HUY-VỌNG (5-1-34)
Chỉ-Huy Trưởng CSQG Tỉnh An-Giang

2

4. THXNG CẤP TRUNG-TÁ CẢNH-SÁT NHIỆM-CHỨC (Chánh ngạch) :

- Thiếu-Tá ĐUỘI-ĐXNG-1RINH, số quân 54/105.464
Sĩ-quan Thanh-tri Tổng Thanh-Trà Đoàn BTL/CSQG
- Thiếu-Tá PHẠM-VXN-TU, số quân 53/105.078
Chỉ-Huy Trưởng CSQG quận 7/Thu-đô
- Thiếu-Tá NGUYỄN-MINH-CĂN (15-8-25)
Phụ-Tá Giám-Đốc Trung-tâm Huan-luyện CSQG
- Thiếu-Tá NGUYỄN-VXN-NXM, số quân 58/101.967
BỘ Chỉ-Huy CSQG Khu 4.

5. THXNG CẤP TRUNG-TÁ CẢNH-SÁT NHIỆM CHỨC (Ngoại ngạch) :

- Thiếu-Tá TẠ-VXN-SÁNH (7-11-44)
Chánh Sở Nhân-huân Bộ Chỉ-Huy CSQG Khu 1
- Thiếu-Tá NGÔ-TẤN-DỨC (4-5-44)
Chánh Sở An-ninh Cảnh-lực Bộ Chỉ-Huy CSQG Khu 4.

6. THXNG CẤP THIẾU-TÁ CẢNH-SÁT THUỘC-THỰC (Chánh ngạch) :

- Thiếu-Tá (NC) LÂM-VXN-THẾ (01-7-24)
Pho F Công-tác Đặc-biệt E4 Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Thiếu-Tá (NC) PHẠM-TẤN-NGOC (01-4-37)
Trưởng Đoàn Đặc-nhiệm E4 Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Thiếu-Tá (NC) PHẠM-HỮU-NGHI (12-4-42)
Trưởng Đoàn Đặc-nhiệm E4 Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Thiếu-Tá (NC) LÊ-QUAN-CAO (03-1-21)
Chủ-sự Phong Kiểm-soat Ngoại-kiểu BCH/CSQG Thủ-đô
- Thiếu-Tá (NC) LƯU-THÀNH-CHẤN (01-2-34)
Pho Cơ-quan E2 Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Thiếu-Tá (NC) NGUYỄN-NGOC-TRAT (11-7-37)
Trưởng Ngành Đặc-Biệt BCH/CSQG quận 2/Thu-đô
- Thiếu-Tá (NC) QUÁCH-THANH-TRƯỜNG (10-6-40)
Chỉ-Huy Pho CSQG quận 2/Thu-đô
- Thiếu-Tá (NC) NGUYỄN-VXN-CHÍNH (17-12-46)
Trưởng Ban Điều-tra Khối Tư-Pháp BTL/CSQG
- Thiếu-Tá (NC) NGÔ-VXN-THANH (14-6-27)
Trưởng-Ban Điều-tra Tư-pháp Khối Tư-Pháp BTL/CSQG
- Thiếu-Tá (NC) NGUYỄN-DÌNH-HẪ (10-4-40)
Trung-Tâm Trưởng THQ/ĐL BCH/CSQG Khu 3.

7. THXNG CẤP THIẾU-TÁ CẢNH-SÁT NHIỆM-CHỨC (Chánh ngạch) :

- Đại-Ủy TRẦN-VXN-TẤN (12-4-40)
Chỉ-Huy Trưởng CSQG quận Hồng-Ngự (Kiến-Phong)
- Đại-Ủy PHẠM-KỶ-NIỆM (14-5-42)
Trưởng G Dạng phat Tông-giao E1 Khối Đặc-Biệt
Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sat Quốc-Gia
- Đại-Ủy NGUYỄN-VXN-TRAI (11-11-43)
Chỉ-Huy Trưởng CSQG quận Huệ-Đức (An-Giang)
- Đại-Ủy NGUYỄN-HOÀI-TẤN (20-10-43)
Chỉ-Huy Trưởng CSQG quận Châu-Phú (Châu-Đốc)
- Đại-Ủy TRẦN-VXN-HÒA (01-2-43)
Chỉ-Huy Trưởng CSQG quận Mai-Lĩnh (Quảng-Trị)

- Đại-Ủy HẬU-THỜI (27-8-46)
Trưởng F Công-tác Bộ Chỉ-Huy CSQG Thủ-đô
- Đại-Ủy TRƯƠNG-VĨNH-THUY (16-10-41)
Trưởng Ngành Đặc-Biệt BCH/CSQG Quận 7/Thủ-đô
- Đại-Ủy HUYNH-VĂN-HẢI (6-11-37)
Trưởng Ngành Đặc-Biệt BCH/CSQG Quận 10/Thủ-đô
- Đại-Ủy NGUYỄN-DÌNH-BÁ (20-4-38)
Trưởng Đoàn Đặc-Nhiệm 2/E4 Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Đại-Ủy NGUYỄN-MINH-DUÔNG (25-1-44)
Biệt-Đội Trưởng Biệt-Đội Hình-Cảnh BCH/CSQG
Tỉnh Gia-Dinh
- Đại-Ủy NGUYỄN-BÁ-HÙNG (6-7-42)
Giảng-sư Học-Viện CSQG
- Đại-Ủy NGUYỄN-VIỆT-LỘC (01-5-45)
Đại-Đội Trưởng Đại-đội 105 Cảnh-Sát Dã-chiến
Tỉnh Quang-Tín
- Đại-Ủy VÕ-VĂN-HỒ (8-6-43)
Đại-Đội Trưởng Đại-đội 408 Cảnh-Sát Dã-chiến
Tỉnh Sa-Dec
- Đại-Ủy HỒ-ĐỨC-BIỆN (04-2-46)
Chủ-sự Phong Quan-trị BCH/CSQG Tỉnh Kiên-Phong
- Đại-Ủy NGUYỄN-HỮU-TRẦN (2-9-43)
Trưởng Ngành Đặc-Biệt BCH/CSQG Tỉnh Long-Khánh
- Đại-Ủy HUYNH-LÂM-DIÊN (25-4-47)
Trưởng F Công-tác BCH/CSQG Khu 3
- Đại-Ủy LÝ-QUANG-TRƯỜNG (15-5-44)
Trưởng Ban 3 Hình-sự Đặc-biệt Khối Tư-Pháp BTL/CSQG
- Đại-Ủy NGHIÊM-XUÂN PHÚC-CƯỜNG (10-9-44)
Sĩ-quan Đặc-trách các Hiệp-đoan Nội-chính E4
Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Đại-Ủy NGUYỄN-HỮU-THÀNH (10-10-38)
Trưởng G Mục-tiêu Tỉnh-bao E4 Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Đại-Ủy LÊ-TẤN-QUAN (20-11-43)
Trưởng G Tiếp-liệu E5 Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Đại-Ủy HỒ-VĂN-THẮNG (20-8-44)
Trưởng Ngành Đặc-Biệt BCH/CSQG Tỉnh Ninh-Thuận
- Đại-Ủy LÝ-ĐỨC-THÀNH (01-4-43)
Chủ-sự Phong Tư-pháp BCH/CSQG Tỉnh An-Xuyên
- * - Đại-Ủy HUYNH-VĂN-THÀNH (19-10-45)
Sĩ-quan Điều-hành E3 Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Đại-Ủy NGUYỄN-VĂN-HOÀ (25-5-45)
Đại-Đội-Trưởng DD 409/CSDC Tỉnh Ba-Xuyên
- Đại-Ủy HUYNH-HỒNG-QUANG (29-5-48)
Trưởng Ban 3 Biệt-Đoan 222/CSDC
- Đại-Ủy TRẦN-HÙNG-VIỆT (01-12-45)
Sĩ-quan Tham-mưu Khối Đặc-Biệt BTL/CSQG
- Đại-Ủy TRẦN-VĂN-TUÔNG (10-4-43)
Chủ-sự Phong Tư-pháp Biệt-Đoan Cảnh-Sát Lưu-thông
- Đại-Ủy NGUYỄN-VĂN-SINH (12-7-36)
Chủ-sự Phong Yểm-trợ Kỹ-thuật Nha Kỹ-Thuật BTL/CSQG

- 4
- Đại-Ủy PHAN-VĂN-TÀI (11-8-37)
XLTV. Trung-Tâm Trưởng TTHQ/CL BCH/CSQG Tỉnh An-Xuyên
 - Đại-Ủy DẪNG-VĂN-GIÚP (10-10-44)
XLTV. Chủ-sự Phong Quan-trị BCH/CSQG Tỉnh Kiên-Giang
 - Đại-Ủy CHÂU-NGỌC-TRINH (1946)
Chủ-sự Phong Chương-trình Khôi Huấn-luyện BTL/CSQG
 - Đại-Ủy NGUYỄN-THAI-BÌNH (2-7-44)
Chủ-sự Phong Thịnh-nguyên Khôi Nhân-Viên BTL/CSQG
 - Đại-Ủy NGUYỄN-VĂN-TRUNG (20-1-45)
Khôi Tiếp-Văn BTL/CSQG
 - Đại-Ủy LÊ-VĂN-THUẬN (20-12-47)
Chủ-sự Phong Hành-quân Khôi Hành-quân BTL/CSQG
 - Đại-Ủy ĐỖ-KHANH (8-2-44)
Chủ-sự Phong An-ninh Cảnh-lực BCH/CSQG Quận 2 Thủ-đô
 - Đại-Ủy HUỖNH-HỮU-ĐỨC (28-3-42)
Tham-chánh Văn-phòng BTL/CSQG
 - Đại-Ủy PHAN-VĂN-THUỐC (29-1-26)
Chỉ-Huy Phó CSQG Quận 5/Thủ-đô
 - Đại-Ủy NGUYỄN-HUY-BÌNH (30-8-28)
Phong Trung-ương Kỹ-thuật BTL/CSQG
 - Đại-Ủy NGUYỄN-SĨ PHÚ (10-12-46)
Chỉ-Huy Trưởng CSQG Quận 1 BCH/CSQG Thị-xã Đà-Nẵng
 - Đại-Ủy TRẦN-KUYN-TẠO (5-7-36)
Q. Chủ-sự Phong Quan-trị BCH/CSQG Tỉnh Ba-Xuyên
 - Đại-Ủy PHAN-ANH-TIẾNG (02-3-45)
Trưởng Cuộc CSQG Huyện-sĩ BCH/CSQG Quận 11/Thủ-đô
 - Đại-Ủy TIÊU-KHÔN-MINH (01-6-47)
Chủ-sự Phong Tổng-kê và Thuyết-trình Trung-tâm
nq/CL Trung-ương Bộ Tư-Lệnh CSQG
 - Đại-Ủy NGUYỄN-NGỌC-TRONG, số quân 60/128.903
Trưởng Phong Thí-nghiệm Bệnh-viện CSQG
 - Đại-Ủy TRẦN-TRONH-DÌNH (09-2-40)
Trưởng Cuộc CSQG Thương-Cảng BCH/CSQG Hải-Cảng/Thủ-đô
 - Đại-Ủy LÝ-CẢNH-T ẾN (10-5-42)
Chủ-sự Phong Kỹ-thuật BCH/CSQG Quận 11/Thủ-đô.

8. THẺNG CẤP THIỂU-TÁ CẢNH-SÁT NHIỆM-CHỨC (Ngoại ngạch) :

- Đại-Ủy TRƯƠNG-TÁ -QUỐC (09-6-43)
Tham-chánh Văn-phòng Bộ Tư-Lệnh CSQG.

Quốc-Gia, chiếu nhiệm-vụ, thi hành Nghị-dịnh này.

Nơi nhận :

- Phủ Tổng-Thống
- Tổng Nha Ngân-Sách và NV.
- Phủ Phó Tổng-Thống
- Phủ Thủ-Tướng
 - Văn-phòng Bộ-Trưởng
 - Nha Hành-Chánh Pháp-Chế
 - Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ
 - Bộ Tư-Lệnh Cảnh-Sát Quốc-Gia
- Bộ Nội-Vu
- Sở Công-bao và Văn-khố.

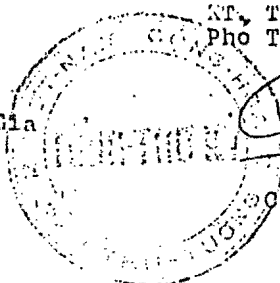
Saigon, ngày 6 tháng 2 năm 1975

Ký tên : TRẦN-THIÊN-KHIÊM

PHỤ BỐN :

KT, TÔNG THƠ-KY

Pho Tổng Thơ-Ky, Ar



CHAU-VĂN-TỰ

МЗУ НТЗ/РЗ

Thành phố, Tỉnh _____

GIẤY KHAI SINH

Quyền số

[illegible]

PHỤ LỤC 1

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trại cải tạo

20A TP63/PQ

Số

Thăng Lưu Sơn, ngày 26 tháng 6 năm 1978

Kính gửi : UBND xã, phường

Huyện, Quận

Tỉnh, thành phố

My Tho

Tiền Giang

Ban giám thị trại cải tạo 20A TP63/PQ yêu cầu UBND xã, phường My Tho - Tiền Giang báo cho ông, bà Huỳnh Văn Gân hiện ở 24/14 Huỳnh Đình Cầu - My Tho - Tiền Giang được biết tin Anh Huỳnh Văn Thọ

sinh năm 1943

Sinh quán : Diên Hòa - Diên Khánh - My Tho

Trú quán 25/25 B Nguyễn Văn Trỗi - Sài Gòn 3

được học tập cải tạo tại trại 20A TP63/PQ vừa qua đã bị bệnh Ung thư mạc treo

mặc dù được ban giám thị và các bác sĩ, y sĩ hết lòng chăm sóc, cứu chữa, nhưng vì bệnh quá nặng đã chết lúc 6 giờ 10 ngày 26 tháng 3 năm 1978 tại Bệnh viện tỉnh Thăng Lưu Sơn.

Ban giám thị đã tổ chức chôn cất tại nghĩa địa Lao Cai thôn xã huyện tỉnh

Đề nghị UBND xã, phường My Tho báo cho ông, bà là thân nhân người chết nói trên biết. /.

Sao gửi

GIAM THI TRAI

- Sở, Ty công an Tiền Giang

- Quận, huyện CA My Tho

(để biết)

Ua am

photo.

MIT LUFTPOST
PAR AVION
BY AIR MAIL



HUYỀN VĂN THANH

19.10.1945

MỸ THO



HUYỀN NGUYỄN HOÀ

16.11.1956

CHỢ LON



HUYỀN VĂN THO

28 - 4 - 1943

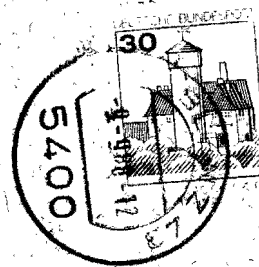
Mỹ THO
(Đã chết)

HUYỀN VĂN THANH

19 - 10 - 1945

Mỹ THO

From = HUYNH. Chi-Binh.



Made in Germany



DEUTSCHE BUNDESPOST

Made in Germany

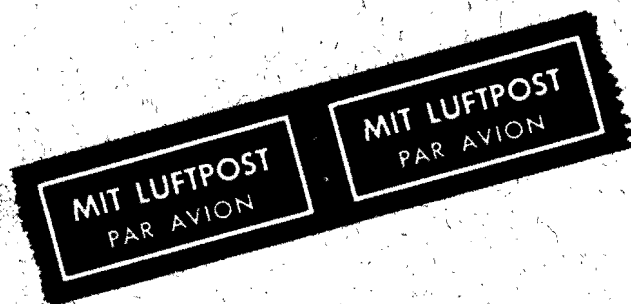
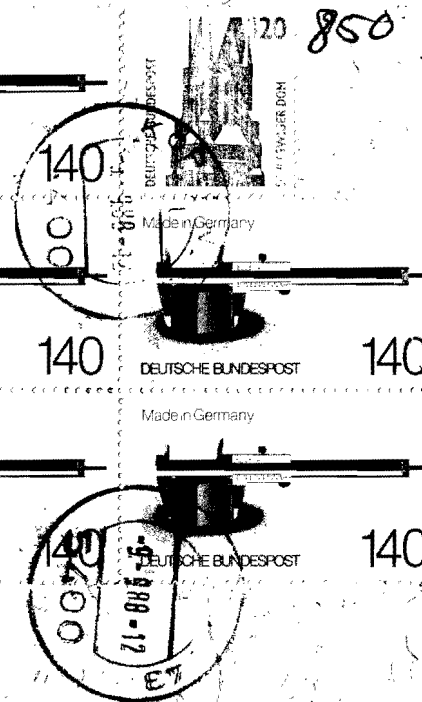


DEUTSCHE BUNDESPOST

Made in Germany



DEUTSCHE BUNDESPOST



To = MRS = KHUC - MINH - THO.

PO BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635

U.S.A.

SEP 14 1988

CONTROL

____ Card
____ * Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

9/6/89 form